

ĐÁP ÁN KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I
MÔN NGỮ VĂN – KHỐI 10
NĂM HỌC: 2022 – 2023

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	Thể thơ: 8 chữ. Nếu hs ghi thơ: Tự do: 0,25 điểm.	0,5
	2	Xác định chủ thể trữ tình của văn bản: Chủ thể ẩn.	0,5
	3	Liệt kê những từ ngữ, hình ảnh miêu tả cảnh xuân trong văn bản: <i>Mưa đổ bụi, chòm xoan hoa tím rụng, cỏ non tràn biếc cỏ, đàn sáo đen, cánh bướm rập rờn, đồng lúa xanh rờn...</i>	0,5
	4	Tìm những từ láy xuất hiện trong văn bản trên: <i>êm êm, im lìm, toi bời, thông thả, ...</i>	0,5
	5	Nêu nội dung chính của văn bản: - Miêu tả bức tranh chiều xuân bình yên, mộc mạc của làng quê Bắc Bộ và cảm xúc của chủ thể trữ tình trước vẻ đẹp của làng cảnh quê hương.	1,0
	6	Chỉ ra lỗi dùng từ và cách sửa trong câu sau: “ <i>Bài thơ “Chiều xuân” của nhà thơ Anh Thơ đã vẽ ra một bức tranh thiên nhiên êm ả, mang không khí thanh thản ở nông thôn vùng Bắc Bộ</i> ”. - Lỗi dùng từ không đúng nghĩa: “ <i>thanh thản</i> ”. - Sửa lại: “ <i>Thanh bình</i> ”.	0,5 0,5
	7	Gọi tên và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ trong hai câu thơ: <i>“Đò biếng lười nằm mặc nước sông trôi; Quán tranh đứng im lìm trong vắng lặng”.</i> - Nhân hóa: “ <i>Đò biếng lười, quán tranh đứng...</i> ” - Giúp diễn tả sự vật sinh động có hồn...// Giúp cho ta thấy được cảnh vật êm đềm, im ắng, tĩnh lặng.	0,5 0,5
	8	Sau khi đọc văn bản đã gọi cho anh/chị tình cảm gì?	1,0

[illegible]

	chôn đồng quê. ✓ Kết bài: Nêu cảm nhận chung của bản thân/ Liên hệ với tình yêu quê hương đất nước Việt Nam của bản thân học sinh. ✓ Lưu ý: - Hs nắm được chủ đề, biết cách phân tích nội dung và các biện pháp nghệ thuật... - Hiểu rõ, trình bày lưu loát, biết đánh giá. - Diễn đạt tốt, có cảm xúc.	0,25 2,0 3,0 4,0
	<i>d. Chính tả, dùng từ, đặt câu. Sáng tạo:</i> Đảm bảo chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề.	0,5

ĐÁP ÁN KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC: 2022-2023

Môn: Ngữ Văn - Khối 11

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I.		ĐỌC HIỂU	4.0
	1.	Xác định phương thức biểu đạt chính: Nghị luận	0.5
	2.	Trong văn bản, theo Jeff Sachs, công thức hạnh phúc của người Bắc Âu là: “ <i>những xã hội đang nhắm đến việc dồn tất cả nỗ lực và thời gian để trở thành triệu phú, họ tìm kiếm sự cân bằng tốt trong cuộc sống...</i> ”	0.5
	3.	Sự khác nhau giữa cuộc sống đầy đủ “vật chất” và cuộc sống đầy đủ “phẩm chất” là: - Cuộc sống đầy đủ “vật chất” là cuộc sống đầy đủ nhà cao cửa rộng, tiền bạc và xe hơi sang trọng; sử dụng những dịch vụ cao cấp. - Cuộc sống đầy đủ “phẩm chất” là cuộc sống hướng đến sự cân bằng, sống hòa mình với thiên nhiên, giản dị và đề cao hạnh phúc gia đình.	1.5
	4.	Anh/chị có đồng tình với câu: “ <i>Cơm không thể không ăn, nhưng không nhất thiết phải ăn quá ngon. Tiền không thể không có, nhưng không nhất thiết phải có quá nhiều</i> ” không? Vì sao? - HS có thể đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình một phần - Lí giải cần phù hợp với quan điểm đã lựa chọn - Đưa ra bài học nhận thức phải hướng đến nội dung tích cực. * GV linh hoạt chấm	1.5

II.	LÀM VĂN: Phân tích nhân vật Huấn Cao trong truyện ngắn “ <i>Chữ người tử tù</i> ” của nhà văn Nguyễn Tuân. (<i>Chữ người tử tù</i> , Nguyễn Tuân, <i>Ngữ Văn 11</i> , Tập một, Nxb Giáo dục, 2009).	
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận: Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài kết luận được vấn đề.	0.5
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Nhân vật Huấn Cao	0.5
	c. Triển khai vấn đề nghị luận: Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm.	
	* Mở bài - Giới thiệu tác giả, tác phẩm - Nêu vấn đề cần nghị luận * Thân bài Nội dung - Nhân vật Huấn Cao đẹp bởi khí phách hiên ngang: Một con người tự trọng, sống hiên ngang bất khuất. Chí lớn không thành, coi thường gian khổ, kể cả cái chết. Khinh bỉ những kẻ đại diện cho quyền lực thống trị. - Nhân vật Huấn Cao đẹp bởi tâm hồn và sự tài hoa: một tâm hồn cao quý, yêu cái đẹp và cảm thông với người yêu quý cái đẹp, rất mực tài hoa. - Huấn Cao tỏa sáng, toát lên chủ đề của truyện trong cảnh cho chữ. Nghệ thuật - Đánh giá về nghệ thuật: nhân vật Huấn Cao được xây dựng bằng bút pháp lãng mạn, lý tưởng hóa và thủ pháp đối lập. Ngôn ngữ giàu chất tạo hình, dùng nhiều từ Hán Việt mang màu sắc cổ kính, gợi vẻ đẹp về một thời vang bóng. *Kết bài Khái quát lại nhân vật Huấn Cao đồng thời rút ra bài học, liên hệ thực tiễn.	0.25 3.0 0.5 0.5 0.25
	d. Chính tả, ngữ pháp, sáng tạo:	0.5
	- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	
	Lưu ý: HS kể chuyện không có trích dẫn, phân tích, đánh giá tâm lý nhân vật, tối đa 3,0 điểm/ cả bài	

ĐÁP ÁN KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC: 2022 – 2023

Môn: Ngữ Văn – Khối 12

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		Đọc hiểu	3.0
	1	Xác định thể thơ của đoạn trích: Tự do.	0.5
	2	Trong đoạn trích, những tác phẩm văn học dân gian nào được gọi ra? - Truyện cổ tích: Thạch Sanh, Tấm Cám, Cây Khế, Trầu Cau... - Ca dao: Muối ba năm muối hãy còn mặn....	0.5
	3	Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê ở phần in đậm được sử dụng trong đoạn trích. - Giúp sự vật, sự việc cụ thể, rõ ràng, chi tiết. - Nhấn mạnh con người VN tài giỏi: những anh hùng giữ nước và các nhà thơ thiên tài, nền văn hóa đa dạng: múa xòe, hát đúm, chèo...	1.0 0,5 0,5
	4	Anh/chị nhận xét về thái độ, tình cảm của tác giả đối với “ <i>quê hương</i> ” trong đoạn trích trên. - Thái độ trân trọng, tự hào với nền văn hóa dân tộc và tình cảm yêu mến, kính trọng với những anh hùng, các nhà thơ...đã có công làm rạng rỡ quê hương...	1.0
II		Làm văn	
	1	Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) bày tỏ quan điểm về nghĩa vụ và trách nhiệm của mình đối với quê hương.	2.0
		a. <i>Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận</i> Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, song hành hoặc móc xích.	0.25 0.25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> nghĩa vụ và trách nhiệm của mình đối với quê hương.	0.25
		c. <i>Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ nghĩa vụ và trách nhiệm của mình đối với quê hương. Có thể triển khai theo hướng sau:</i> 1. Giải thích: Nghĩa vụ và trách nhiệm là gì? Là bổn phận và sự tự giác đối với quê hương. 2. Bàn luận - Mỗi người cần xác định phải có nghĩa vụ và trách nhiệm đối với quê	1.0 0.25 0.5

		huong. - Thể hiện qua những hành động, việc làm cụ thể: Phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương, đóng góp, xây dựng và bảo vệ quê hương... 3. Bài học nhận thức và hành động.	0.25
		<i>d. Chính tả, dùng từ, đặt câu, Sáng tạo</i> - Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận. Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0.5
	2	Phân tích hình tượng con sông Đà trong đoạn trích sau:	5.0
		1. <i>Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận về một đoạn trích văn xuôi</i> Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	0.25
		2. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> Phân tích hình tượng con sông Đà trong đoạn trích	0.25
		3. <i>Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể:</i>	4.00
		3.1. Mở bài: - Giới thiệu một số nét tiêu biểu về tác giả Nguyễn Tuân: Cuộc đời, con người và phong cách nghệ thuật. - Nêu khái quát chung về tác phẩm <i>Người lái đò Sông Đà</i>: hoàn cảnh sáng tác, vị trí, giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật. - Khái quát nội dung của đoạn trích: Phân tích hình tượng con sông Đà trong đoạn trích.	0.25
		3.2. Thân bài: 1. Vị trí đoạn trích: Đoạn trích miêu tả con sông Đà hung bạo ở: Vách đá, hút nước và thác nước. 2. Giới thiệu: – Dưới ngòi bút của Nguyễn Tuân, con Sông Đà không phải là thiên nhiên vô tri vô giác mà là một sinh thể sống động, một nhân vật đầy sức sống và có tính cách hằn hoi. Ngay từ lời đầu tiên của tác phẩm, tác giả đã dẫn câu thơ nổi tiếng của Nguyễn Quang Bích “<i>Chúng thủy giai Đông tẩu. Đà giang độc Bắc lưu</i>”. – Sự hung bạo của con Sông Đà được thể hiện qua: + Nói về vách đá, Nguyễn Tuân viết “<i>mặt sông chỗ ấy đúng ngo mới có</i>	3.5

	<i>mặt trời</i>”. Tác giả miêu tả bờ đá dày đặc vây lấy hai bên bờ sông, những hòn đá dựng đứng như thành lũy kiên cố để bảo vệ con sông Đà. Ấn tượng hơn nữa là việc “<i>ngồi trong khoang đò qua quãng ấy, ... ở tầng nhà thứ mấy vừa tắt phụt đèn điện</i>”. Ở đoạn này tác giả không chỉ tạo cho người đọc một ấn tượng về vẻ đẹp của sự uy nghi hùng vĩ mà còn cảm nhận luồng không khí lạnh lẽo, âm u, ghê rợn mà thiên nhiên Tây Bắc đã mang lại. + Hung bạo ở những cái hút nước, giống như những cái giếng bê tông người ta thả xuống để chuẩn bị làm móng cầu “<i>Trên những cái hút nước ấy cũng đang quay lừ lừ những cánh quạt đàn</i>”. Nước ở đó cứ “<i>thở và kêu như cửa cống cái bị sặc</i>” có lúc lại nghe rờn rợn như tiếng “<i>rót dầu sôi</i>”. Con Sông Đà không khác gì một loài hung thủ hung dữ đi đến đâu gieo rắc hiểm nguy đến đó, cho nên “<i>không một chiếc thuyền nào dám men gần cái hút nước ấy</i>”... Bè gỗ nghênh ngang qua đây vô ý là bị cái hút nước đó lôi tuột xuống, có chiếc thuyền bị nó trồng ngay cây chuối ngược rồi vụt biến đi, bị dìm dưới lòng sông đến mười phút sau, mới thấy tan xác ở khuỷnh sông dưới. Cách so sánh, ví von, nhân hóa của tác giả gây cảm giác rất mạnh làm cho người đọc như nghe thấy, nhìn thấy được tận mắt cái hung dữ của Sông Đà mà thót tim lại. + Hung bạo ở âm thanh của thác nước của con sông Đà: âm thanh của tiếng thác gào rùng rợn, hoang dã, con Sông Đà đã trở thành một loại thủy quái vừa hung ác vừa nham hiểm: “<i>còn xa lắm mới đến cái thác dưới nhưng đã thấy tiếng nước réo gần mãi lại réo to mãi lên. Tiếng nước thác nghe như là oán trách gì, ... rừng lửa cùng gầm thét với đàn trâu da cháy bùng bùng</i>”. Ở đoạn văn này, tác giả đã sử dụng rất nhiều biện pháp nghệ thuật như: nhân hóa, liên tưởng, so sánh, sử dụng động từ mạnh “<i>réo</i>”, “<i>gần</i>”, “<i>rống</i>”, “<i>lòng lộn</i>”, “<i>phá</i>”... làm cho hình ảnh sông Đà thật ghê rợn như một nhân vật mang tâm địa hiểm ác với cái kiêu khôn khéo, ranh ma. Sự hung bạo của con Sông Đà được Nguyễn Tuân khắc họa qua việc sử dụng ngôn ngữ của nhiều lĩnh vực quân sự, thể thao, điện ảnh, ... cùng với phép nhân hóa, liên tưởng, so sánh,.. nhiều động từ mạnh độc đáo. 3.3.Kết bài: - Vẻ đẹp hung bạo của Sông Đà qua vách đá, nước (hút và thác). - Phong cách nghệ thuật độc đáo, tài hoa và uyên bác của nhà văn Nguyễn Tuân.	0.25
--	---	------

		=> Lưu ý: HS diễn xuôi đúng và đủ nội dung đoạn trích: 2,5 điểm	
		4. <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu. Sáng tạo</i> Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu. Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0.5

---HẾT---